

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VIT**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5
I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	6 - 7
II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	8 - 10
III BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VIT tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005824 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 54/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Quyết định số 161/UBCK-GP, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 16.000.000.000 VND lên 46.000.000.000 VND ngày 4 tháng 11 năm 2008 với mục đích nhằm phát triển kinh doanh và nâng cao vị thế Công ty.

Vào ngày 08 tháng 06 năm 2011, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định số 418/QĐ - UBCK, chuẩn y việc chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Công ty Chứng khoán Nam Việt tại Hà Nội.

Cùng ngày 08 tháng 06 năm 2011, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 37/GP ĐC-UBCK về việc thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán nhằm chuẩn y việc thay đổi tên Công ty, địa chỉ và người đại diện pháp luật của Công ty như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT.

Địa điểm trụ sở chính : Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Hoà Bình.

- Vốn điều lệ : 46.000.000.000 VND

Cơ cấu góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Tập đoàn VIT			
	Đại diện: Ông Nguyễn Chí Dũng	2.898.734	28.987.340.000	63,02
2	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1.681.266	16.812.660.000	36,55
3	Ông Nguyễn Trí Quang	20.000	200.000.000	0,43
	Cộng	4.600.000	46.000.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-04) 22208800

Fax : (84-04) 22208866

Mã số thuế : 0304769654

- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hòa Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Việt Phương	Kế toán trưởng

Tình hình vốn khả dụng

Tình hình vốn khả dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 5 đến trang 10).

Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần VIT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀ BÌNH - Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Số : 0172/2012/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Chúng tôi đã thực hiện kèm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm: Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro và Tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng, được lập ngày 03 tháng 08 năm 2012 từ trang 5 đến trang 10 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 «Báo cáo kiểm toán về những công việc kiểm toán đặc biệt» (VAS 800). Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0455/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số công văn: 117/2012/BC-CKVIT

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

NGUYỄN HÒA BÌNH
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ VIỆT PHƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

PHẦN I: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI SUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VKD	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
		(1)	(2)	(3)
A.	Nguồn vốn	25.464.714.074	-	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	46.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8.	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(20.535.285.926)		
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
B.	Tài sản ngắn hạn	-	568.079.627	-
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		360.577.767	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		211.881.953	
2.	Trả trước cho người bán		140.670.000	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày trở xuống			
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		8.025.814	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		207.501.860	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.598.739	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		1.909.824	
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		2.189.111	
4.	Tài sản ngắn hạn khác		197.804.186	
4.1	Tạm ứng		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		197.804.186	
C	Tài sản dài hạn	-	9.366.031.423	-
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	
II	Tài sản cố định		789.305.348	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.027.050.000	
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác		8.027.050.000	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	
V	Tài sản dài hạn khác		549.676.075	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
	TỔNG CỘNG	25.464.714.074	9.934.111.050	-
	VỐN KHẢ DỤNG		15.530.603.024	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

PHẦN II: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

CÁC HẠN MỤC ĐẦU TƯ		HS RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1.	Tiền	0%	1.314.311.440	
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	20.000.000.000	
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				-
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu chính phủ lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu Chính phủ thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

IV. Cổ phiếu				-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%	-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	-	-
12	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch kể từ ngày giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	M. tăng	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.				-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

B. RỦI RO THANH TOÁN

STT	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ RỦI RO							TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán									1.206.648.670
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	1.206.600.000	-	48.670	1.206.648.670
2.	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua CK có cam kết bán lại (Repo)	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán CK có cam kết mua lại (Reverse Repo)	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán									-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	-
4.	Từ 60 ngày trở lên	-			-			-	-
III. Rủi ro tăng thêm									-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.									
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I + II + III)									1.206.648.670

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	3.091.179.687
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	488.391.703
II.	1. Chi phí khấu hao	488.391.703
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	2.602.787.984
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	650.696.996
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = MAX(III, IV)		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (D = A + B + C)		6.206.648.670

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIT

Tầng 03, tòa nhà VIT Tower, Số 519 Phố Kim Mã, Ba Đình, Thành phố Hà Nội

PHẦN III: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	CÁC CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ RỦI RO/VỐN KHẢ DỤNG	GHI CHÚ
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.206.648.670	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	6.206.648.670	
5.	Vốn khả dụng	15.530.603.024	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	250,23%	